

KẾT PHÂN TƯ

Từ khi nhà Thanh chấm dứt đến năm 1970 (năm cuối cùng tôi có được chút ít tài liệu về kinh tế Trung Hoa), là nửa thế kỉ, Trung Hoa đã tạm giải quyết xong vấn đề dân tộc và dân quyền, mà về dân sinh thì chưa tiến được bao nhiêu; mức tăng gia về sản xuất vẫn chưa vượt được mức tăng gia về dân số, nghĩa là vẫn còn nghèo, mặc dầu đã có vài công trình kiến thiết rất lớn, đã chế tạo được bom hạch tâm và vệ tinh nhân tạo.

Với tốc độ biến chuyển rất nhanh chóng ở thời đại chúng ta, thì nửa thế kỉ có thể bằng năm sáu thế kỉ trước. Nhật và Tây Đức hai nước bại trận, bị tàn phá rất nặng, vậy mà chỉ trong 25 năm - từ 1945 đến 1970 đã kiến thiết lại hết, đuổi kịp Anh, Pháp, những nước thắng họ, và bây giờ (1983) muốn tranh nhau rồi cả Mĩ nữa. So sánh với hai nước đó, Trung Hoa chậm như con rùa.

Chẳng phải chỉ riêng Trung Hoa, hết thấy các nước kém phát triển ⁽¹⁾ Á, Phi mà người ta gọi là thế giới thứ ba ⁽²⁾ đều tiến chậm. Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan,

(1) Ngày nay người ta gọi là "đương phát triển" cho nhà nhận hơn.
(2) Có người gọi là thế giới thứ tư, thế giới thứ ba trở những nước kém phát triển nhưng có dầu lửa như Ba Tư, Irak, Koweit, Ả Rập Séoud...

Phi Luật Tân... đều không hơn gì Trung Hoa, vì họ "cần dùng đủ thứ mà thiếu đủ thứ", thiếu máy móc, điện lực phương tiện giao thông, thiếu thực phẩm, thiếu vốn, thiếu kĩ thuật gia, kinh tế gia, thiếu giáo sư, trường học, đường đường, bác sĩ...

Hoàn cảnh Trung Hoa còn khó khăn hơn nữa : không được yên ổn để kiến thiết. Trong nửa thế kỉ đó, bỏ những năm lộn xộn, loạn lạc thời Viên Thế Khải và các quân phiệt, bỏ thời chiến tranh Hoa - Nhật, thời nội chiến Quốc - Cộng, thì chỉ còn khoảng 30 năm : 1928 - 1937 và 1950 - 1970 là kiến thiết được. Mà trong giai đoạn 1950 - 1970, Mao phải đem cả triệu quân qua giúp Triều Tiên, rồi lại phí mất 5 năm (1958 - 1962) cho bước nhảy vọt và công xã nhân dân, và 7 năm sửa sai nữa (để phục hồi được mức kinh tế năm 1958); vậy thực sự chỉ còn 18 năm phát triển. Thành thử tình cảnh nhân dân Trung Hoa sau hai cuộc cách mạng tiêu tư sản và vô sản chưa cải thiện được bao nhiêu. Tôi chắc họ còn nghèo hơn dân quê Bắc Việt ngày nay.(1983)

Đó là cái tai hại của chế độ chuyên chính, một người quyết định sai mà không ai dám can ngăn, cứ răm rắp tuân theo hết, sau cùng phải đổ máu và mất nhiều năm mới sửa lại được. Làm gì có dân chủ! Gần khắp thế giới thứ ba ngày nay đều như vậy.

Tóm lại, tới khi Mao chết, cách mạng Trung Hoa vẫn chưa thành công. Trang 266 tôi đã nói không nên hỏi người dân Trung Hoa ngày nay có sung sướng không. Theo tôi, chỉ nên hỏi : Thanh niên trí thức Trung Hoa có còn tinh thần như mười, mười lăm năm đầu cách mạng không ? Tôi e rằng dưới hai chế độ

“dân chủ” của Tưởng và của Mao, tinh thần đó đã bị thui chột rồi.

*

* *

Các sử gia Pháp (Guillermaz, Dubarbier, Lévy) đều rất quý văn minh Trung Hoa khen nó là rất độc đặc, vô cùng nhân bản, ghét sự tàn bạo, trọng Khổng giáo mà khinh Pháp gia, họ mong nhà cầm quyền Trung Quốc theo đạo trung của Khổng, bỏ thái độ thách đố về ý thức hệ và chính trị đi, thái độ khiêu khích, tự cao, tự đại về ngoại giao đi, thì các nước tiến bộ mới giúp đỡ họ phát triển.

Tsui Chi, một học giả Trung Hoa còn mong rằng dân tộc Trung Hoa ông sẽ biến học thuyết Marx thành một học thuyết Trung Hoa để cải thiện đời sống mà vẫn dân chủ, cho mọi đảng chính trị được ngang quyền nhau, không dùng sự cưỡng chế để bắt kẻ khác phục tùng. Thời trước, Trung Hoa đã chẳng biến đạo Phật của Ấn Độ thành đạo Phật của Trung Hoa dung hòa được những cái hay của Nho và Phật đấy ư ? Mao đã Hoa hóa học thuyết Marx rồi đấy, nhưng vẫn giữ chính sách một đảng, nếu không thì còn gì là Mác xít nữa.

Các nhà cầm quyền Trung Hoa hiện nay xích lại phía tư bản, đưa ra chương trình bốn hiện đại hóa. Họ theo chủ trương của Đặng Tiểu Bình năm 1969! “Chính sách kinh tế cá thể hay tập thể, điều đó không quan trọng, quan trọng là tăng sự sản xuất thực phẩm”, nghĩa là người ta không quá coi trọng ý thức hệ nữa rồi, có tinh thần thực tiễn hơn, lo cho dân hơn, sao cho họ khỏi thiếu ăn đã.

Người phương Tây nào ở Trung Hoa một thời gian

cũng khen dân tộc Trung Hoa có kỉ luật, lễ độ, nhã nhặn siêng năng, giỏi chịu cực, sống đặm bạc, thông minh, có sáng kiến. Họ đã trên một tỉ người, có thể đã có những khí giới hẠch tâm mạnh nhất, không một nước nào có thể diệt họ được. Họ, Mĩ và Nga đương giữ cái thế chân vạc như thời Tam Quốc không ai đoán được thế đó sẽ kết thúc ra sao, chỉ biết Nga đã lộ vẻ lo ngại khi thấy họ xích lại với Mĩ nên tìm cách ve vãn họ, nhưng trong bốn nguyên do xích mích giữa Nga và Hoa thì hai nguyên do cuối (tr.220). Theo tôi, khó mà giải được.

PHỤ LỤC I

BẢNG CÁC TRIỀU ĐẠI

Tôi theo bảng trong bộ *Từ Nguyên*, bảng này khác với bảng mà đa số học giả Pháp dùng, nhưng chỉ khác tới trước năm -827 thôi. Trước -827 các niên đại trong bảng *Từ Nguyên* xa hơn; từ năm đó trở đi, niên đại trong hai bảng y như nhau.

Tôi bỏ bớt nhiều đời vua trước đời Tần, những đời mà trong sử ít nhắc tới.

1. Thời Ngũ đế (có ngôi sao ở trước).

* Hoàng đế	2697	Đế Chí	2365
Thiếu Hạo (Phục Hi)	2597	* (Dương) Nghiêu	2357
* Chuyên Húc	2513	* (Ngũ) Thuấn	2255
* Đế Khốc	2435		

2. Đời Hạ 2205 - 1766

Năm lên ngôi ⁽¹⁾		Năm lên ngôi.	
Vũ (cũng gọi là Đại Vũ)	2205	Tiếp theo là	
		12 đời vua nữa.	

(1) Năm cuối của một ông vua thuộc trọn về ông đó, dù ông chết vào khoảng đầu năm. Năm sau mới thuộc về vua sau.

Khải	2197		
Thái Khang	2188	rồi tiếp vua cuối cùng là	
Trọng Khang	2159	Kiệt	1815

3. Đời Thương hay Ân 1766 - 1122

Thang	1766	Tiếp theo là 25 đời vua,	
Thái Giáp	1753	rồi tới vua cuối cùng là	
.....		Trụ	1154

4. Đời Chu 1122 - 255

Võ Vương	1122	Tuyên Vương ¹	827
Thành Vương	1115		
Khang Vương	1078	bỏ 22 đời đến	
.....		Noãn vương	314 - 255
bỏ 6 đời, tới...		(Noãn vương bị Tần bắt	
Lệ Vương	878	đưa qua Tần - Nhà Chu	
		chấm dứt năm	255)

5. Nhà Tần ² 255 - 207

Chiêu Tương Vương		Thủy Hoàng đế	246
chiếm Chu	256		
Hiếu Văn Vương		Nhị thế	209
(3 ngày thì chết)	250		
Trang Tương Vương	250	Tử Anh	207

6. Nhà Hán - 208 + 220

<i>Tiền hoặc Tây Hán</i>		<i>Hậu hoặc Đông Hán</i>	
Cao đế (Cao tổ)		Quang Vũ đế	25
tức Lưu Bang	206		

(1) Từ đây mới thật có tín sử.

(2) Từ đây tôi chép đủ các đời vua của những triều đại quan trọng.

Huệ đế	194	Minh đế	58
Lữ hậu (vợ Cao đế)	187	Chương đế	76
Văn đế	179	Hòa đế	89
Cảnh đế	156	Thương đế	106
Võ đế ¹	140	An Đế	107
Chiêu đế	86	Thuận đế	126
Tuyên đế	73	Xung đế	145
Nguyên đế	48	Chất đế	146
Thành đế	32	Hoàn đế	147
Li đế	- 6	Linh đế	168
Bình đế	+ 1	Thiếu đế	189
(Nhà Tấn) Vương Mãng	+ 9	Hiển đế	189

7. Thời Tam Quốc - Nhà Ngụy 220 - 265

Nhà Thục Hán 221 - 264

Nhà Ngô 229 - 280

Tôi bỏ bớt chỉ kể vai tên :

Ngụy Văn đế	220	Hán Chiêu Liệt	221
Ngụy Minh đế	227	Hán Hậu chủ	223
Ngụy Phế đế	224	Ngô Đại đế	222
		Ngô Phế đế	252

(1) Những tên Võ đế, Cảnh đế, Văn đế... đều là miếu hiệu, tên để thờ trong tôn miếu của mỗi nhà. Hán Võ đế là ông vua đầu tiên dùng thêm niên hiệu (nom de periode), như năm 140 dùng niên hiệu Kiến Nguyên, năm 134 dùng niên hiệu Nguyên Quang... ông dùng tới 11 niên hiệu; Vua Cao Tôn đời Đường dùng tới 14 niên hiệu. Tôi bỏ hết các niên hiệu đó. Đời Minh và Thanh, mỗi vua chỉ dùng một niên hiệu, và các sử gia ưa dùng niên hiệu hơn miếu hiệu để gọi, nên từ đời Minh tôi mới chép thêm niên hiệu.

8. Nhà Tấn 265 - 420

Tây Tấn

Võ đế	265
Huệ đế	290
Hoài đế	307
Mẫn đế	313

Đông Tấn

Nguyên đế	317
Minh đế	323
Thành đế	326
Khang đế	343
Mục đế	345
Li đế	362
Phế đế	366
Giản Văn đế	371
Hiếu Vũ đế	373
An đế	397
Cung đế	419

9. Nam Triều 420 - 589

Tống

Vũ đế	420
..... bỏ bảy đời	
Tế Cao đế	479
Võ đế	482
..... bỏ 5 đời.	

Lương

Võ đế	502
Giản Văn đế	549
..... bỏ 4 đời	
Trần Võ đế	557
Văn đế	560
..... bỏ 3 đời	

10. Bắc Triều 386 - 581

Bắc Ngụy	386 - 533
Đông Ngụy	534 - 550
Tây Ngụy	535 - 557
Bắc Chu	556 - 581

Những triều này sử Trung Hoa không cho là chính thống nên không chép các đời vua.

11. Tùy 589 - 618

Văn đế	589
Dạng đế	605
Cung đế	617

12. Đường 618 - 907

Cao Tổ	618	Duệ đế (do Võ hậu lập)	684
Thái Tôn	627	Võ hậu xưng đế	684
Cao Tôn	650	chết	705
Trung Tôn	684	Trung Tôn (phục vị)	705
(bị Võ hậu phế)		Duệ Tôn (phục vị)	710
Huyền tôn	713	Mục Tôn	821
(Minh hoàng)		Kính Tôn	825
Túc Tôn	756	Văn Tôn	827
Dại Tôn	763	Vô Tôn	841
Dức Tôn	780	Tuyên Tôn	847
Thuận Tôn	805	Ý tôn	860
Hiếu Tôn	806	Hi Tôn	874
		Chiêu Tôn	889
		Chiêu tuyên đế	904

13. Ngũ Đại 907 - 960

(Tối bỏ các vua Liêu, gốc Khiết Đan)

<i>Hậu Lương</i>		<i>Hậu Tấn</i>	
Thái tổ	907	Cao tổ	936
Mạt đế	913	Xuất đế	942
<i>Hậu Đường</i>		<i>Hậu Hán</i>	
Trang Tôn	923	Ấn đế	948
Minh Tôn	926	Hậu Chu	951

Mẫn đế	933	Thái tổ	951
		Thế Tôn	954
		Cung đế	959

14. Tống 960 - 1279

(Tối bỏ các vua Liêu và Kim)

<i>Bắc Tống</i>		<i>Nam Tống</i>	
Thái tổ	960	Cao Tôn	1.127
Thái Tôn	976	Hiếu Tôn	1.162
Chân Tôn	998	Quang Tôn	1.189
Nhân Tôn	1.023	Ninh Tôn	1.194
Anh Tôn	1.063	Lí Tôn	1.224
Thần Tôn	1.067	Độ Tôn	1.265
Triết Tôn	1.086	Cung đế	1.275
		Huy Tôn	1.100
		Khâm Tôn	1.126

15 Nguyên 1206 - 1279 (Mông Cổ).

Thái tổ (Jengis)	1206	Anh Tôn	1320
Thái Tôn (Ogodai)	1229	Thái định đế	1323
Định Tôn chết -		Minh Tôn	1328
Hoàng hậu lên	1246		
Hiếu tôn (Mongka)	1251	Văn Tôn	1329
Thế Tôn (Khoubilai)	1260	Ninh Tôn	1332
Thành Tôn	1294	Thuận đế	1333
Vũ Tôn	1307		
Nhân Tôn	1311		

16. Dời Minh 1368 - 1644

Thái Tổ - Hồng Vũ ¹	1368	Hiếu tôn - Thành Hóa	1465
--------------------------------	------	----------------------	------

(1) Từ đây tôi chép cả niên hiệu.

Huệ đế - Kiến Văn	1398	Hiếu Tôn - Hoàng Trị	1487
Thành Tổ - Vĩnh Lạc	1402	Võ Tôn - Chính Đức	1505
Nhân Tôn - Hồng Hi	1424	Thế Tôn - Gia Tĩnh	1522
Tuyên Tôn - Tuyên Đức	1425	Mục Tôn - Long Khánh	1566
Anh Tôn - Chính Thống	1435	Thần Tôn - Vạn Lịch	1572
Cảnh Tôn - Cảnh Thái	1449	Quang Tôn - Thái Xương	1620
(Khi lên ngôi trở lại) -		Hi Tôn - Thiên Khải	1620
Thiên Thuận	1457	Tư Tôn - Sùng Trinh	1627

17. Dời Thanh 1583 - 1912 (Mãn Châu)

Thái Tổ	1583	Văn Tôn - Hàm phong	1851
Thái Tôn	1627	Mục Tôn - Đồng Trị	1862
Thế Tổ - Thuận Trị	1644	Đức Tôn - Quang Tự	1875
Thánh Tổ - Khang Hi	1661	Phổ Nghi - Tuyên Thống	1901
Thế Tôn - Ung Chính	1723		
Cao Tôn - Càn Long	1736	Từ Hi thái hậu cầm quyền	
Nhân Tôn - Gia Khánh	1796	suốt đời Quang Tự.	
Tuyên Tôn - Đạo Quang	1821		

PHỤ LỤC II

SỰ VIỆC QUAN TRỌNG TỪ 1911 đến 1973

(Tôi tóm tắt tài liệu của Alain Peyrefitte trong *Quand la Chine s'éveillera...* tr 445 - 455)

A. CỘNG HÒA TIỂU TƯ SẢN (1911 - 1927)

10.10.1911. Cách mạng Vũ Xương (Hán Khẩu)
Trong 50 ngày, cách mạng lan tới 14 trong số 18 tỉnh,
tuyên bố không tùy thuộc Mãn Thanh nữa.

1.1.1912 Thành lập Chính phủ cộng hòa ở Nam
Kinh. Tôn Văn ở Mỹ về, được bầu làm Tổng thống.

Dùng tây lịch.

Thần vương Cung, phụ chính đại thần, cầu cứu
Viên Thế Khải, Viên đòi được toàn quyền.

12.2.1912 Viên thuyết phục được : Phổ Nghi phải
thoái vị. Viên nắm hết quyền.

15.2.1912 Tôn Văn nhường chức Tổng thống cho
Viên.

8.4.1913 Quốc hội họp ở Bắc Kinh, phản đối Viên, bị Viên giải tán. Viên dẹp luôn Quốc Dân đảng. Tôn Văn lánh qua Nhật.

1914 Nhật tuyên chiến với Đức (thế chiến I), rồi chiếm Sơn Đông cùng các nhượng địa khác của Đức.

18.1.1915 Nhật đưa 21 điều "yêu cầu" cho Bắc Kinh, muốn biến Trung Hoa thành một nước bảo hộ của Nhật. Viên điều đình không được, khắp nước nổi lên phong trào chống Nhật.

1915 - 23.3.1916 Viên vận động để được bầu làm hoàng đế. Phe cộng hòa và các tướng nổi lên chống đối. Viên phải bỏ ý đó non 100 ngày sau, và chết tháng 6 - 1916.

1916. Thời quân phiệt làm loạn bắt đầu. Ở Bắc, còn một chính phủ hữu danh vô thực tại Bắc Kinh. Ở Nam, Tôn Văn lập một chính phủ cộng hòa tại Nam Kinh. Sự thực các đốc quân chia nhau mỗi người chiếm một nơi, làm chúa trong miền và đánh nhau lung tung.

1918 - 1919 Trung Hoa cho 175.000 thợ qua Pháp giúp Đồng minh, và 400 sinh viên thợ, trong số đó có Chu Ân Lai và Chen Yi.

4.5.1919 Ngũ tứ vận động

Phong trào vận động dân tộc đầu tiên do sinh viên Bắc Kinh phát động rồi lan khắp nước để phản đối hội nghị Versailles cho Nhật hưởng những quyền của Đức ở Sơn Đông.

Một số trí thức ghét Tây phương hướng về Nga Sô vì Nga Sô tuyên bố bỏ hết các quyền lợi thời Nga hoàng ở Trung Hoa (nhưng không trả lại các đất Nga đã chiếm được thời trước ở Sibérie và ở các tỉnh bờ biển).

1921 Hội nghị Washington yêu cầu Nhật trả Sơn Đông cho Trung Hoa.

1.7.1921 Thành lập đảng Cộng sản Trung Hoa ở Thượng Hải gồm 12 người tới dự. Trần Độc Tú được bầu làm tổng thư kí, Mao Trạch Đông làm thư kí đảng ở Hồ Nam.

1921 - 1922 Thành lập những tổ Cộng sản Trung Hoa ở Pháp, Bỉ, Đức.

1923 - 1927 Mặt trận thống nhất đầu tiên Quốc - Cộng (do sự thỏa hiệp giữa Tôn Văn và Joffe, đại diện cho Lénine. Cộng sản được nhận vào Quốc dân đảng.

1923 Mao được làm ủy viên trung ương của đảng, chủ tịch phòng (cũng gọi là bộ) tổ chức.

1924 Ngoại Mông tuyên bố thành lập Chính phủ Cộng Hòa Xô Viết.

30.5.1925 Ngũ tứ vận động. Tẩy chay ngoại nhân, đình công.

Tôn Văn chết. Tưởng Giới Thạch cầm đầu Quốc Dân đảng.

Mao vận động nông dân ở Hồ Nam.

1925 - 1926 Tưởng Giới Thạch và Cộng sản chống đối nhau.

B. NỘI CHIẾN ĐẦU TIÊN (1927 - 1936)

1927 Mao trong bài điều tra về phong trào nông dân ở Hồ Nam cho nông dân là lực lượng chính của cách mạng. Chủ trương đó bị ủy ban trung ương Đảng gạt bỏ. Mao mất chân trong phòng chính trị của Đảng.

Tháng 4 Tưởng Giới Thạch tấn công Cộng sản ở

các thị trấn lớn nhất là Thượng Hải. Đãng mất đầu, lui vào bóng tối hoạt động.

1928 Tưởng Giới Thạch vô Bắc Kinh, dùng chế độ độc tài quân nhân. Mao Trạch Đông và Chu Đức trốn vào miền núi Hồ Nam và Giang Tây lập đạo hồng quân thứ nhất và một Xô Viết trong miền.

1929 Mao và Chu lập chính phủ Xô Viết ở Giang Tây. Anh trả vãi nhượng địa cho Trung Hoa.

1930 Trung Hoa thừa nhận quyền của Pháp ở Đông Dương. Mao và Lí Lập Tam bắt đồng ý kiến : Mao dùng nông dân, Lí dùng thợ thuyền làm chủ lực cách mạng. (Lí làm chủ tịch đảng).

Tướng lại tấn công cộng - Vợ Mao bị Tướng giết.

Cộng lại thất bại ở vài thị trấn : Trảng Sa, Vũ Hán, Nam Xương.

1931 Nhật chiếm Mãn Châu, lập Mãn Châu quốc.

Đại hội thứ I của đảng Cộng sản họp ở Thụy Kim, bầu Mao làm chủ tịch chính phủ đầu tiên Cộng Hòa Xô Viết (ở Giang Tây) - và Chu Đức làm tổng tư lệnh Hồng quân.

1933. Nhật chiếm một phần Hà Bắc (tỉnh có kinh đô Bắc Kinh).

Từ 10.1934 đến 10.1935

Hồng quân ở Giang Tây bị Tướng bao vây; Mao và Chu Đức dẫn đầu Hồng quân, làm cuộc Trường hành dài 12.000 cây số, tới Thiểm Tây. Mất một năm.

1935 - 1936 Ba đạo quân khác cũng trường hành tới Thiểm Tây, hợp với quân của Mao - Chu.

12 - 1936 Thành lập một chính phủ kháng Nhật ở Diên An. Mao làm chủ tịch.

C. MẶT TRẬN THỐNG NHẤT QUỐC - CỘNG ĐỂ KHÁNG NHẬT

12. 1936 Vụ Tây An - Tưởng bị bộ hạ là Trương Học Lương bắt cóc. Chu Ân Lai ở Diên An lại thuyết phục Tưởng cùng với Cộng lập mặt trận thống nhất kháng Nhật. Tưởng được thả.

1937 Nhật chiếm Hoa Bắc và miền Thượng Hải.

1940 Tưởng và chính phủ Quốc dân đảng rút lên Trùng Khánh (Tứ Xuyên).

1940 - 1941 Mặt trận thống nhất kháng Nhật tan rã.

1942 Một phong trào chỉnh phong trong đảng Cộng sản; phe thân Nga sơ bị "chỉnh".

1943 Lưu Thiếu Kỳ nhận rằng Mao đã tạo một thứ "Mác xít Trung Hoa" Theo Chu Ân Lai đảng có 800.000 đảng viên.

1945 Hiệp ước thân thiện Nga - Tưởng Giới Thạch.

Sau khi Nhật đầu hàng, Hồng quân chiếm Hoa bắc và Mãn Châu trước các đạo quân của Tưởng, những đạo quân này được Mĩ giúp cho phương tiện di chuyển.

D. NỘI CHIẾN THỨ NHÌ (1947 - 1949)

Cộng sản tiếp tục tuyên truyền trong giới nông dân về tinh thần dân tộc, cải cách điền địa, Nga vẫn chính thức ủng hộ Tưởng Giới Thạch.

1948 Lâm Bưu diệt quân đội Tưởng ở Mãn Châu.

1 - 1949 Hồng quân vô Bắc Kinh.

1949 Quân đội của Tưởng thua, rút ra Đài Loan.

E. THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC (1949 - 1957)

1949 - 1952 Thời theo chế độ “Tân dân chủ” - Diệt kẻ chống đối và uốn nắn ý thức của dân chúng.

1- 10 - 1949 Tuyên bố thành lập chính phủ Cộng hòa. Mao làm chủ tịch.

1950 Kí hiệp ước thân thiện với Nga Sô

Chiến tranh Triều Tiên. Do Nga thúc, Mao phải gởi “chí nguyện quân” qua Bắc Triều Tiên. Đài Loan được Mĩ bảo vệ cho.

Cải cách điền địa.

1953 - 1957 Thời xây dựng kinh tế.

1953 Đình chiến ở Triều Tiên.

Staline chết.

1954. Kroutchev qua thăm Bắc Kinh lần đầu.

1956 - 1957 “Trăm hoa đua nở”

Đảng hứa cho các nhà trí thức được hưởng tự do hơn. Trong mấy tuần phong trào chỉ trích đường lối văn nghệ của chính quyền nổi lên mạnh quá. Phải đàn áp dữ dội : mấy trăm ngàn trí thức phải đi cải tạo.

F. THỜI NHẢY VỌT VÀ DO DỰ VỀ KINH TẾ 1958 - 1965.

1958 Kế hoạch năm năm thứ nhì.

Năm “Nhảy vọt”, dự tính thực hiện xong trong hai năm mục tiêu của kế hoạch 5 năm.

Thành lập công xã nhân dân.

Kroutchev rút lời hứa giúp Trung Hoa chế tạo bom hạch tâm.

Trung Hoa không chịu ở dưới quyền chỉ huy quân sự của Nga nữa.

1959 - 1962 Thời khó khăn về kinh tế.

1959 Mao từ chức chủ tịch nhà nước.

Lưu Thiếu Kỳ lên thay.

Mao vẫn giữ chức chủ tịch Đảng.

8 - 1959 Ủy ban trung ương Đảng họp ở Lư Sơn. Hai phe “hữu” và “tả” chống nhau dữ dội. Bành Đức Hoài, Bộ trưởng Quốc phòng bị cách chức.

8 - 1960 Moscou gọi tất cả các kĩ thuật gia và cố vấn về nước. Trung Hoa kết tội Kroutchev là “xét lại”.

1961 Trong cuộc Đại hội đảng Sô Viết ở Moscou, Chu Ân Lai bỏ phòng họp khi Kroutchev vạch lỗi của Đảng cộng sản Albanie.

Luôn ba năm 1959 - 1960 - 1961 Trung Hoa mất mùa. Đói kém tột bực.

9 - 1962 Lại họp ở Lư Sơn. Ý thức hệ hóa cứng rắn hơn.

- Mở “phong trào giáo dục xã hội” để nâng cao tinh thần cách mạng của trí thức và nông dân.

- Tôn thờ “tư tưởng Mao Trạch Đông”.

- Lâm Bưu sửa lại ý thức hệ trong quân đội.

1963 - 1965 Giai đoạn phục hồi kinh tế.

1963 Chu Ân Lai đi thăm các nước châu Phi để tuyên truyền đường lối cách mạng của Trung Hoa.

1 - 1964 Pháp và Hoa lục bàn việc trao đổi đại sứ.

Nga - Hoa càng thù hằn nhau.

G. CUỘC CÁCH MẠNG VĂN HÓA VÀ PHẢN ỨNG (1966 - 1973)

Từ 11 - 1965 đến 4 - 1969 biến cố rất phức tạp, khó sắp đặt cách nào để phản ánh được đúng sự thực, sự sắp đặt dưới đây chỉ mong được hợp lý phần nào thôi, như Peyrefitte đã nhận. Vì vậy tôi chỉ chép một số ít sự việc thôi.

Tháng 4 và 5 - 1966 Mao ra lệnh chỉ trích những cán bộ, đảng viên không theo chính sách “nhảy vọt” của ông mà ông gọi là bọn “xét lại tiểu tư sản”.

25 - 5 - 1966 Sinh viên đại học Bắc Kinh chỉ trích mạnh viện trưởng và giáo sư. (do Mao giật dây).

Tháng 6, 7 - 1966. Chuẩn bị đại tấn công Lưu Thiểu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, Lưu là phó chủ tịch Đảng, Đặng là tổng thư ký ủy ban trung ương Đảng vì họ cho lời Bành Đức Hoài trách Mao tiến mau quá, làm dân khổ là đúng.

Bọn vệ binh đỏ chiếm đại học Bắc Kinh. Các trường đại học đóng cửa.

Từ 1 đến 12 tháng 8 năm 1966. Bắt đầu cuộc Cách mạng văn hóa. Mao tung đại chúng ra tấn công phe xét lại trong đảng. Lâm Bưu thành phó chủ tịch Đảng, thay Lưu Thiểu Kỳ.

Tháng 8 tới tháng 11 - 1966 Vệ binh đỏ tấn công các cán bộ của Đảng. Ngày 18 - 8, mấy trăm ngàn vệ binh đỏ diễu qua Thiên An môn, trước mặt Mao. Rồi họ đi từng đoàn khắp nước để thanh trừng cán bộ Đảng tại các trị trấn, đập phá các di tích thời phong kiến (đền, đài, nghệ phẩm). Sau phong trào lan tới nông

thôn. Lưu Thiểu Kỳ phải tự kiểm phê (23.10). Họ quá khích, nội bộ vệ binh đỏ chia rẽ, các cơ quan của đảng tê liệt.

Từ tháng giêng đến tháng 9 - 1967

Tháng giêng, hai Phong trào lan tới giai cấp thợ thuyền, ở Thượng Hải có những cuộc chiến đấu dữ dội. Ngày 5 - 2. ở Thượng Hải thành lập công xã Thượng Hải, tả khuynh. Quân đội phải dẹp cuộc hỗn loạn.

Từ tháng 3 đến tháng 8.

Khắp nước dâu dầu cũng có những cuộc đổ máu, nhất là ở Vũ Hán và Quảng Châu, có chiến tranh, nội loạn thật sự.

Bọn “thiên tả” bắt đầu tấn công Chu Ân Lai, Lưu Thiểu Kỳ lại phải tự kiểm phê lần nữa.

Tháng 9 Chu Ân Lai răn lập lại trật tự bằng quân đội.

Từ tháng 9 - 1967 đến cuối năm 1968 Mao thắng.

Mao đập lung tung phe hữu và phe tả, ủng hộ triệt để Chu. Lâm Bưu mở lớp dạy tư tưởng Mao Trạch Đông trong quân đội.

Tháng 7 tới tháng 10 - 1968

Lưu Thiểu Kỳ bị trục xuất khỏi Đảng. Mao thắng (nghĩa là dẹp được phe Lưu Thiểu Kỳ, nhưng rồi phải thay đổi đường lối).

Tháng 4 - 1969 Đại hội thứ IX của Đảng. Bầu Ủy ban trung ương mới. Cải cách kinh tế, hành chính và đại học. Lưu Thiểu Kỳ chết.

1970 Trung Hoa băng bó lại vết thương.

Tháng 8, 9 : Họp ủy ban trung ương ở Lư Sơn. Lâm Bưu và Mao bắt đầu chống nhau.

7 - 1971 Trung Hoa và Mĩ thương thuyết ngầm với nhau về việc tổng thống Nixon qua Trung Hoa. Hướng mới về đường lối ngoại giao đó gây bất hòa nội bộ, Mao trục xuất Lâm Bưu và Lâm mất tích (13.9.1971).

H. HƯỚNG MỚI NGOẠI GIAO

25 - 26 tháng 10.1971 Trung Hoa được vô Liên Hiệp quốc (nhờ Mĩ).

1 - 1972.Tướng Chen Yi (chết).

2 - 1972.Nixon qua Bắc Kinh.

7 - 1972.Maurice Schuman qua Trung Hoa.

Trung Hoa bảo châu Âu phải đoàn kết với nhau để chống Nga.

Mùa hè 1972.Tuyên bố chính thức rằng Lâm Bưu bị trục xuất.

Tháng 9 - 1972.Thủ tướng Nhật Tanaka qua Bắc Kinh.

Tháng 2 - 1973.Henry Kissinger qua Bắc Kinh, thành lập phòng liên lạc ngoại giao giữa Bắc Kinh và Washington (tức như sứ quán mà không mang tên sứ quán).

Cũng tháng đó : Hội nghị quốc tế ở Paris về Việt Nam - Từ 1961 - 1962, sau hội nghị về Lào bây giờ Trung Hoa mới lại dự hội nghị này.

Tháng 3 - 1973.Trung Hoa lập lại bang giao với Y Pha Nho, rồi với tất cả các nước châu Âu, trừ Ai Nhĩ

Lan (Irlande), Bồ Đào Nha và Tòa Thánh Vatican. Vậy là Trung Hoa lập bang giao được với 88 nước.

Tháng 8 - 1973. Trong đại hội thứ X của Đảng, người ta xác nhận rằng đã thay đổi hẳn đường lối : diệt phe “tả”, Lâm Bưu; cách mạng văn hóa thoái trào, xích lại với phương Tây, chống Nga hơn, Mao bớt quyền hành mà quyền hành của Chu Ân Lai tăng lên.

Tổng thống Pháp Pompidou qua Bắc Kinh (ông là người đầu tiên trong số các nhà lãnh đạo phương Tây qua Trung Hoa).

1976 Mao Trạch Đông chết. Hoa Quốc Phong kế vị.